

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2023/DS-ST
Ngày: 22-12-2023
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Chính.
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐST-DS ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông **Hà Văn M**, sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn:* Anh **Hà Quốc N**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(ông M có mặt; anh N xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:**

Giữa ông Hà Văn M với anh Hà Quốc N có quan hệ là chú cháu ruột. Ngày 13/9/2020, ông M có cho anh N vay số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, thỏa thuận lãi suất 0,7%/tháng (700.000 đ/tháng), anh N sẽ trả tiền lãi cho ông M vào ngày 10 tây đến

13 tây hàng tháng, thời hạn thanh toán vốn là ngày 10/9/2022. Hai bên có làm “giấy cho vay tiền” ghi ngày 13/9/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh N đã thanh toán tiền lãi hoàn tất đến ngày 27/02/2023. Từ ngày 28/02/2023 đến nay anh N không thanh toán tiền vốn cũng không thanh toán tiền lãi, đã nhiều lần ông yêu cầu anh N trả vốn và lãi nhưng anh N không thực hiện. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu anh N trả lại tôi số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất là 0,7%/tháng. Yêu cầu anh N trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với biên nhận ngày 27/11/2022, ông M thống nhất hủy bỏ biên nhận này.

* Tại văn bản lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Anh thống nhất có nợ ông M số tiền vốn vay 100.000.000 đồng theo “giấy cho vay tiền” ngày 13/9/2020. Khi vay có thỏa thuận lãi suất là 0,7%/tháng, mỗi tháng là 700.000 đồng tiền lãi. Anh đã trả cho ông M tiền lãi đủ đến ngày 27/02/2023. Nay anh đồng ý trả vốn 100.000.000 đồng cho ông M, anh không đồng ý trả tiền lãi. Anh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng từ ngày án có hiệu lực cho đến khi hoàn tất số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 27/11/2022, anh N thống nhất hủy bỏ biên nhận này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Hà Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh N trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất là 0,7%/tháng. Yêu cầu trả tiền vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Hà Quốc N có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông M khởi kiện yêu cầu anh N trả tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: anh Hà Quốc N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung: ông M khởi kiện yêu cầu anh N trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất là 0,7%/tháng. Yêu cầu anh N trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của mình, ông M cung cấp bản chính “giấy cho vay tiền” ngày 13/9/2020. Anh N thừa nhận có vay ông M số tiền 100.000.000 này và hiện vẫn còn nợ ông M số tiền vốn vay 100.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa ông M với anh N đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ, nên cần buộc anh N có trách nhiệm trả cho ông M số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: cả ông M và anh N đều thống nhất lãi suất vay và cho vay là 0,7%/tháng, anh N đã trả tiền lãi hoàn tất đến ngày 27/02/2023. Ông M yêu cầu tính lãi của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày anh N vi phạm là ngày 28/02/2023 đến ngày Tòa án xét xử là 09 tháng 24 ngày, với mức lãi suất là 0,7%/tháng thành tiền làm tròn là **6.860.000** đồng. Xét yêu cầu này của ông M là có cơ sở vì anh N chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với ông M nên anh N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất do ông M yêu cầu anh N trả phù hợp với mức lãi suất được theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của ông M phù hợp với Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời gian trả: ông M yêu cầu anh N trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh N xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng từ ngày án có hiệu lực cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu của ông M là có cơ sở vì số tiền này anh N để kéo dài không trả cho ông M đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M, phía ông M không chấp nhận cho anh N trả dần hàng tháng, nên cần buộc anh N trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn M.

Buộc anh Hà Quốc N có trách nhiệm trả cho ông Hà Văn M số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là **6.860.000** đồng. Tổng cộng là **106.860.000** đồng (một trăm lẻ sáu triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Anh Hà Quốc N phải chịu 5.343.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Hà Văn M 2.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012655 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

3. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Ngọc Ngân